TRỌNG ÂM TỪ TRONG TIẾNG ANH

Từ có 2 âm tiết

- Danh từ
- Động từ
- Tính từ

Từ có 3 âm tiết

- Danh từ
- Động từ
- Tính từ

Trọng âm đặc biệt

- Danh từ
- Động từ
- Tính từ

TRỌNG ÂM TỪ TRONG TIẾNG ANH

Âm tiết: Thế nào là âm tiết?

Chứa 1 nguyên âm

Arm - /ɑːm/	1 âm tiết
Hello – /he ˈləʊ/:	2 âm tiết
Beautiful - /ˈbjuː.tɪ.fəl/:	3 âm tiết
Under'stand-ing - /ˌʌn.də ˈstæn.dɪŋ/:	4 âm tiết
Representation - /ˌrep.rɪ.zen ˈteɪ.ʃən/:	5 âm tiết

TRỌNG ÂM TỪ TRONG TIẾNG ANH

Trọng âm: Âm tiết nhận trọng âm được nói to hơn, cao hơn và rõ hơn

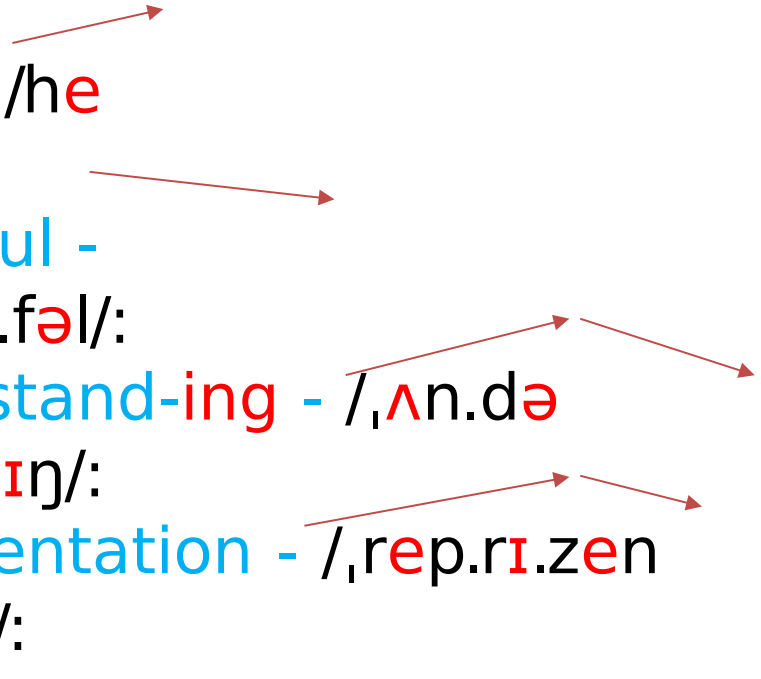

Hello – /hə'ləʊ/:	2 âm tiết
Beautiful - /'bjuː.tɪ.fəl/:	3 âm tiết
Under'stand-ing - /ˌʌn.də'stæn.dɪŋ/:	4 âm tiết
Representation - /ˌrep.rɪ.zen'teɪ.ʃən/:	5 âm tiết

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên

/ˈpɪk.tʃər/

/ˈmʌn.i/

/ˈmʌŋ.ki/

/ˈdɑːn.sər/

/ˈɑː.tɪst/

/ˈpʌmp.kɪn/

/ˈwɔː.tər/

/’taʊəl/

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên

'picture /'pɪk.tʃər/ bức tranh This is a ‘picture of me.

'money /'mʌn.i/ tiền He has a lot of ‘money.

'monkey /'mʌŋ.ki/ con khỉ

'dancer /'dɑːn.sər/: vũ công She’s a dancer.

'artist /'ɑː.tɪst/ Nghệ sỹ He’s a famous-’artist.

'pumpkin /'pʌmp.kɪn/ bí ngô

'water /'wɔː.tər/ nước We need to drink enough ‘water.

'towel /’taʊəl/ khăn

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai – Ngoại lệ

/həʊˈtel/

/ɪˈvent/

/aɪˈdɪə/

/bɪˈliːf/

/məˈʃiːn/

/rɪˈzʌlt/

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai – Ngoại lệ

ho'tel	/həʊˈtel/	khách sạn
e’vent	/ɪˈvent/	sự kiện I’m going (gonna) to join an e’vent.
i’dea		
be’lief - n	/aɪˈdɪə/ /bɪ/ə/ˈliːf/	ý kiến, ý tưởng niềm tin
ma’chine	/məˈʃiːn/	máy móc
re’sult - n	/rɪˈzʌlt/ re’sult?	kết quả Have you got the test

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH CHẤT 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên

/ˈfeɪ.məs/

/ˈhæp.i/

/ˈkɒm.ən/

/ˈbɔː.rɪŋ/

/ˈlʌv.li/

/ˈfʌn.i/

/ˈdʒɔɪ.fəl/

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết đầu tiên

V-ing: khiến cho, V-ed: cảm thấy

‘famous	/ˈfeɪ.məs/	nổi tiếng	
‘happy	/ˈhæpi/	hạnh phúc	I’m a ‘happy person.
‘common	/ˈkɒ-mən/	phổ thông	Yen is a ‘common name.
‘boring-	/ˈbɔːrɪŋ/	nhàm chán	The movie is pretty (khá là) boring/bored
adj lovely	/ˈlʌv.li/	đáng yêu	
‘funny	/ˈfʌ-n.i/	gây cười, nực cười	He’s a funny boy.
‘joyful	/ˈdʒɔɪ.fəl/	vui vẻ, yêu đời	
fun	/ˈfʌ-n/	thú vị	The book is very fun.

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 – ngoại lệ

/əˈsliːp/
/əˈbrɔːd/
/ɔːlˈraɪt/
/aɪˈdɪəl/
/ɪnˈtaɪr/
/əˈlaɪv/
/daɪˈrekt/

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 – ngoại lệ

a'sleep /əˈsliːp/ (đang ngủ)

a'broad /əˈbrɔːd/ - nước ngoài go abroad/study abroad

al'right /ɔːlˈraɪt/ - ổn I’m alright.

i'deal -adj /aɪˈdɪəl/ - lý tưởng (adj) An I’deal family.

en'tire /ɪnˈtaɪr/ - toàn bộ, tất cả An entire life.

a'live All of +N…

di'rect /əˈlaɪv/ - (adj) đang sống, còn sống >< dead (adj)

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

/rɪˈlæks/

/ɪnˈdʒɔɪ/

/dɪˈskraɪb/

/dɪˈskʌs/

/kəmˈpliːt/

/prɪˈfɜːr/

/əˈdɒpt/

/prɪˈpeə(r)/

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

re'lax /rɪˈlæks/ - thư giãn – Relax, calm down
en'joy /ɪnˈdʒɔɪ/ - tận hưởng, yêu thích
des'crib e /dɪˈskraɪb/ - v – mô tả
/dɪˈskʌs/ - thảo luận
discuss /kəmˈp-liːt/ - hoàn thành
com'ple te /prɪˈfɜːr/ - v - thích hơn
pre'fer /əˈdɒp-t/ - chọn, nhận nuôi
a'dopt /ˌprepəˈreɪʃn/ -preparation
pre'pare

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1 – ngoại lệ

/ˈkɒp.i/

/ˈdɪf.ər/

/ˈɑːn.sər/

/ˈhæp.ən/

/ˈlɪs.ən/

/ˈen.tər/

/ˈgæð.ər/

/ˈfɒl.əʊ/

TRỌNG ÂM TỪ 2 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 2 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1 – ngoại lệ

'copy /'kɒp.i/ - sao chép

'differ /'dɪf.ər/ - khác nhau

'answer /'ɑːn.sər/ - trả lời

'happen /'hæp.ən/ - xảy ra

'listen /'lɪs.ən/ - lắng nghe

/'en.tər/ - vào, nhập vào

'enter /'gæð.ər/ - sum vầy, sum họp, tụ họp together

'gather /'fɒl.əʊ/ - theo dõi, theo sau

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

/ˈen.ə.dʒi/

/ˈkʌm.pə.ni/

/ˈgʌv.ən.mənt/

/ˈprɒp.ə.ti/

/ˈmæn.ɪ.dʒər/

/ˈkʌn.tri.saɪd/

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

'energy	/'en.ə.dʒi/ - năng
'company	/'kʌm.pə.ni/ - công ty
'government	/'gʌv.ən.mənt/ - chính phủ
'property	/'prɒp.ə.ti/ - tài sản
'manager	/'mæn.ɪ.dʒə/ - người quản lý
'countryside	/'kʌn.tri.saɪd/ - nông thôn

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 /ɪg

ˈzɑːm.pəl/

/dɪˈpɑːt.mənt/

/kəmˈpjuː.tər/

/əˈkeɪ.ʒən/

/dɪˈzɑː.stər/

/dɪˈpɒz.ɪt/

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

DANH TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

e'xample /ɪgˈzɑːm.pəl/ - ví dụ

de'partment /dɪˈpɑːt.mənt/ - phòng ban

com'puter /kəmˈpjuː.tə/ - máy tính

o'ccasion /əˈkeɪ.ʒən/ - cơ hội, dịp

n

di'saster /dɪˈzɑː.stər/ - thảm họa

global disaster

de'posit /dɪˈpɒz.ɪt/ n/v- khoản ký gửi

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ - TRẠNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

/ˈdeɪn.dʒər.əs/

/ˈbjuː.tɪ.fəl/

/ˈdɪf.ər.ənt/

/ˈpɒs.ə.bəl/

/ˈpɜː.sən.əl/

/ˈnætʃ.ər.əl/

/ˈwʌn.də.fəl/

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ - NHẬNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

'dangero	/ˈdeɪn.dʒər.əs/ - nguy hiểm
us	/’bjuː.tɪ.fəl/ - xinh đẹp
'beautiful	/ˈdɪf.ər.ənt/ - khác biệt
'different	/ˈpɒs.ə.bəl/ - có thể xảy ra
'possible	/ˈpɜː.sən.əl/ - mang tính cá nhân
'personal	info
'natural	/ˈnætʃ.ər.əl/ - tự nhiên
‘wonderf	water
ul	/ˈwʌn.də.fəl/ - tuyệt vời

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ - TRẠNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

/ɪmˈpɔː.tənt/

/ɪkˈspen.sɪv/

/kənˈviː.ni.ənt/

/ɪˈfek.tɪv/

/spəˈsɪf.ɪk/

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

TÍNH TỪ - TRẠNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

im'portant	/ɪmˈpɔː.tənt/ - quan trọng
ex'pensive	/ɪkˈspen.sɪv/ - đắt đỏ
con'venient	/kənˈviː.ni.ənt/ - tiện lợi
e'ffective	/ɪˈfek.tɪv/ - hiệu quả
spe'cific	/spəˈsɪf.ɪk/ - chi tiết, cụ thể

Can you be more specific?

Specifically

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

/ˈdʒen.ə.reɪt/

/ˈsel.ə.breɪt/

/ˈedʒ.u.keɪt/

/ˈsʌm.ər.aɪz/

/ˈɪn.tə.vjuː/

/ˈhez.ɪ.teɪt/

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1

'generate /'dʒen.ə.reɪt/ – tạo ra

'celebrate /'sel.ə.breɪt/ -v- kỷ niệm

'educate /'edʒ.u.keɪt/ - đào tạo

'summarize /'sʌm.ə.raɪz/ - tóm tắt

'interview /'ɪn.tə.vjuː/ - phỏng vấn

'hesitate /'hez.ɪ.teɪt/ - do dự Don’t hesitate.

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

/kənˈtɪn.juː/

/kənˈsɪd.ər/

/ɪˈstæb.lɪʃ/

/ɪnˈkʌr.ɪdʒ/

/dɪˈvel.əp/

/dɪˈskʌv.ər/

/rɪˈmem.bər/

TRỌNG ÂM TỪ 3 ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH

ĐỘNG TỪ CÓ 3 ÂM TIẾT

Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2

con'tinue	/kən'tɪn.juː/ - tiếp tục
con'sider	/kən'sɪd.ər/ - xem xét
en'courage	/ɪn'kʌr.ɪdʒ/ - khích lệ
de'velop	/dɪ'vel.əp/ - phát triển
de'stroy	/dɪ'strɔɪ/ - phá hủy
dis'cover	/dɪ'skʌv.ər/ - khám phá
re'member	/rɪ'mem.bər/ - nhớ